

Bản án số: 90/2024/DS-PT.
Ngày: 17/4/2024.
V/v: “*Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Giang.

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Hà Giang, bà Triệu Thị Luyện.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa –Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang: Ông Lương Thất Tùng– Kiểm sát viên.

Trong ngày 17/4/2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 337/2023/TLPT- DS ngày 29/12/2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 74/2023/DS-ST ngày 17/11/2023 của Toà án nhân dân huyện Lục Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 88/2024/QĐPT-DS ngày 29/2/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 117/2024/QĐ-PT ngày 29/03/2024 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn N, xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn V, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn L, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Xuân C, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn N, xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang (Vắng mặt).

*** Người kháng cáo:** bị đơn là anh Phạm Văn V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn là chị Lê Thị H trình bày:**

Ngày 26/10/2021, anh V có hỏi vay chị số tiền 300.000.000 đồng, mục đích anh V vay tiền của chị để trả tiền công cho thợ, chi phí cho các công trình xây dựng, do anh V chủ thầu các công trình xây dựng. Do tin tưởng nên chị đã đồng ý cho anh V vay số tiền 300.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận ngày 26/11/2021 anh V sẽ trả chị số tiền 300.000.000 đồng này, hai bên không thỏa thuận lãi suất. Khi vay chị và

anh V có lập biên bản là “Giấy vay tiền”, chị là người viết biên bản, anh V đọc và ký nhận.

Khi chị cho anh V vay số tiền 300.000.000 đồng chỉ có chị và anh V, đây là tiền riêng của chị, không liên quan đến chồng chị là anh Nguyễn Xuân C và cũng không liên quan đến vợ anh V. Nên chị đề nghị Tòa án không đưa chồng chị và vợ anh V vào người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Quá thời hạn vay, anh V đã không trả cho chị số tiền 300.000.000 đồng, chị đã đòi anh V nhiều lần nhưng anh V khất lần, không trả cho chị. Chị yêu cầu cá nhân anh Phạm Văn V phải trả cho chị số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi.

** Bị đơn là anh Phạm Văn V trình bày:*

Anh và chị Lê Thị H có mối quan hệ quen biết, sau đó có làm ăn với nhau một số lần. Bản thân anh không có vay nợ gì chị H. Đối với giấy vay tiền ngày 26/10/2021 với số tiền 300.000.000 đồng mà chị H cung cấp cho Tòa án là đúng chữ ký của anh, nhưng phần chữ viết bên trên không phải của anh. Thực tế, anh không vay số tiền 300.000.000 đồng của chị H, anh không nhớ anh ký vào giấy này bao giờ. Giữa anh và chị H không có bất cứ thỏa thuận vay tiền nào. Anh không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị H.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Xuân C trình bày:*

Anh là chồng chị Lê Thị H, anh không có mối quan hệ gì với anh V, anh cũng không biết anh V. Anh xác định không liên quan đến số tiền chị H cho anh V vay ngày 26/10/2021, đây là tiền riêng của chị H. Anh đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh Phạm Văn V phải trả cho cá nhân chị H số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng.

**** Với nội dung trên, bản án dân sự sơ thẩm số 74/2023/DS-ST ngày 17/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam đã quyết định:***

Áp dụng: Các Điều 116, 117, 118, 119, 357, 463, 464, 465, Điều 385, điều 463, khoản 1 Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 150, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Công nhận hợp đồng vay tài sản ngày 26/10/2023 giữa bên cho vay là chị Lê Thị H và bên vay là anh Phạm Văn V, tài sản cho vay là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) có hiệu lực pháp luật.

2. Buộc anh Phạm Văn V phải có nghĩa vụ trả cho chị Lê Thị H tổng số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, quyền thi hành án đối với các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 26/11/2023, bị đơn là anh Phạm Văn V kháng cáo, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang phát biểu:

- Về tố tụng: Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, các đương sự chấp hành đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự, xử: Không chấp nhận đơn kháng cáo của anh Phạm Văn V; giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam. Anh V phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Xuân C không liên quan đến nội dung kháng cáo. Tòa án xét xử vắng mặt tất cả các đương sự là đảm bảo quy định tại khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của anh Phạm Văn V, Hội đồng xét xử thấy:

Ngày 26/10/2021, chị Lê Thị H và anh Phạm Văn V có lập giấy vay tiền với nội dung: Phạm Văn V vay của chị H số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng), hạn đến ngày 26/11/2021 trả số tiền vay trên. Nội dung giấy vay tiền do chị H viết. Cuối giấy vay tiền có chữ ký, chữ viết của anh Phạm Văn V.

Anh V thừa nhận chữ ký, chữ viết “Phạm Văn V” tại giấy vay tiền ngày 26/10/2021 mà chị H cung cấp cho Tòa án là chữ ký, chữ viết của anh nhưng anh khẳng định không vay chị H số tiền 300.000.000 đồng, do tin tưởng chị H nên anh ký vào tờ giấy trắng, sau này chị H điền nội dung việc vay tiền. Tuy nhiên, ngoài lời khai, anh V không có tài liệu, chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận lời trình bày của anh V.

Theo thỏa thuận tại giấy vay tiền ngày 26/10/2021, thời hạn anh V phải trả chị H số tiền 300.000.000 đồng là ngày 26/11/2021. Đến nay, anh V không thừa nhận việc vay tiền và không đồng ý trả tiền cho chị H, đủ cơ sở xác định anh V còn nợ chị H toàn bộ số tiền 300.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, buộc anh V trả chị H số tiền gốc 300.000.000 đồng là có căn cứ theo quy định tại Điều 116, 117, 118, 119, 463, 464, 465, 466 của Bộ luật Dân sự.

Tại cấp phúc thẩm, anh V không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh V, cần giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do không được chấp nhận kháng cáo nên anh V phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 29 Nghị quyết 326/2016 UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của anh Phạm Văn V, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 74/2023/DS-ST ngày 17/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 29 Nghị quyết 326/2016 UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc anh Phạm Văn V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu số 0007953 ngày 27/11/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam. Xác nhận anh V nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Tòa án nhân dân huyện Lục Nam;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử của TAND tối cao;
- Lưu HS; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hương Giang

Nơi nhận:

- TAND huyện Hiệp Hòa;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyện Hiệp Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương Giang

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Văn Quyết Nguyễn Xuân T

Phạm Thị Minh H1